

## Unit 14. DAILY ACTIVITIES

### *Các hoạt động hàng ngày*

#### **1. Choose the correct option. (Chọn đáp án đúng.)**

- Câu nào sau đây hỏi ai đó làm việc gì đó khi nào?
  - What do you do?
  - What do you do in the morning?
  - When do you watch TV?
  - What day is it today?
- Câu nào sau đây hỏi bạn làm gì vào buổi sáng?
  - What do you do in the afternoon?
  - What do you do in the morning?
  - What do you do in the evening?
  - When do you wash the clothes?
- Câu "I clean the floor" trả lời cho câu hỏi nào sau đây?
  - Where do you work?
  - What do you do in the evening?
  - When do you wash your clothes?
  - When do you clean the floor?
- Câu nào sau đây trả lời cho câu hỏi: "When do you wash the dishes?"?
  - I wash the dishes in the evening.
  - I wash my clothes.
  - Yes, I do.
  - I help my mum with the cooking.
- Câu nào sau đây trả lời cho câu hỏi: "Do you wash your clothes?"
  - I watch TV in the evening.
  - I wash my clothes in the afternoon.
  - Yes, I do.
  - No, they don't.
- Câu "I help my mother with the cooking" trả lời cho câu hỏi nào sau đây:
  - What do you do in the evening?
  - When do you help mother with the cooking?
  - What do you do?
  - What does your mother do in the evening?
- Câu "I do the housework with my parents." có nghĩa là:
  - Tôi rửa chén đĩa.
  - Tôi giúp nấu nướng.
  - Tôi làm việc nhà cùng với bố mẹ tôi.
  - Tôi làm bài tập về nhà với ba mẹ tôi.
- Câu nào sau đây có nghĩa là "Cô ấy giặt quần áo vào buổi tối."
  - She washes the dishes in the evening.
  - She washes her clothes in the evening.
  - She cleans the floor in the afternoon.
  - She watches TV in the evening.
- Câu nào sau đây trả lời cho câu hỏi: "What does he do in the afternoon?"
  - He watches TV in the evening.

- b. He does the housework with his parents.
  - c. He washes the dishes in the morning.
  - d. He washes his clothes in the evening.
10. Câu nào sau đây trả lời cho câu hỏi: "When does she help with the cooking?"
- a. Yes, she does.
  - b. In the evening.
  - c. She washes her clothes.
  - d. She cleans the floor.

**2. Choose the correct option to complete each blank. (Chọn đáp án đúng để hoàn thành mỗi chỗ trống.)**

1. A: \_\_\_\_\_ do you do in the evening?  
B: I wash the dishes.  
a. When    b. Where    c. What    d. How
2. She \_\_\_\_\_ her clothes in the evening.  
a. wash    b. washes    c. watching    d. to wash
3. A: \_\_\_\_\_ you wash your clothes in the evening?  
B: Yes, I do.  
a. Are    b. Is    c. Do    d. Does
4. What \_\_\_\_\_ she do in the morning?  
a. is    b. are    c. do    d. does
5. A: When does your brother watch TV?  
B: He \_\_\_\_\_ TV at 7 p.m.  
a. watch    b. watches    c. to watch    d. watching
6. When do you \_\_\_\_\_ the floor?  
a. clean    b. cleans    c. to clean    d. are clean
7. She \_\_\_\_\_ her mum with the cooking in the evening.  
a. help    b. is help    c. helps    d. to help
8. When \_\_\_\_\_ you do your homework?  
a. are    b. is    c. do    d. does
9. I read \_\_\_\_\_ in the evening.  
a. TV    b. books    c. housework    d. floor
10. When do you \_\_\_\_\_ the housework?  
a. make    b. watch    c. do    d. help

**3. Read and match each sentence in A with the appropriate sentence in B. (Đọc và nối mỗi câu trong cột A với câu thích hợp trong cột B.)**

A	B
1. When do you do the housework?	a. She cleans the floor.
2. What do you do on Saturdays?	b. I do the housework in the morning.
3. When does she wash her clothes?	c. I read books in the afternoon.
4. What does she do on Sundays?	d. She washes her clothes in the evening.
5. What do you do in the afternoon?	e. I watch TV.

**4. Read the dialogue and choose the correct option [a, b, c, d, e or f] in the box to complete each blank. (Đọc đoạn hội thoại và chọn đáp án đúng [a, b, c, d, e hoặc f] trong khung để điền vào chỗ trống.)**

a. do	b. helps	c. that	d. cleans	e. studies	f. does
-------	----------	---------	-----------	------------	---------

A: Who's (1) \_\_\_\_\_?

B: She's my cousin.

A: What (2) \_\_\_\_\_ she do?

B: She's a student.

A: What does she (3) \_\_\_\_\_ on Saturdays?

B: She (4) \_\_\_\_\_ English.

A: What does she do on Saturdays?

B: She (5) \_\_\_\_\_ the floor in the morning and washes her clothes in the afternoon.

A: What does she do in the evening?

B: She (6) \_\_\_\_\_ her mother with the cooking and washes the dishes.

**5. Read the text and tick T (True) or F (False). (Đọc đoạn văn và đánh dấu T (Đúng) hoặc F (sai).)**

Hi, I'm Lan. I study at Nguyen Khuyen Primary School. I go to school from Monday to Friday. It's Saturday today, I'm at home. I do a lot of housework with my parents. I wash my clothes in the morning. I wash the dishes after having lunch. In the afternoon, I help my mother with the cooking. In the evening, I clean the floor. Then I watch TV together with my parents.

	T	F
1. Today Lan doesn't go to school.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2. She does a lot of housework with her parents.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3. She cleans the floor in the morning.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4. She washes the dishes after having lunch.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5. She washes her clothes in the evening.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6. She watches TV alone.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

**6. Reorder the words and phrases to make meaningful sentences. (Sắp xếp lại thứ tự các từ và cụm từ để làm thành các câu có nghĩa.)**

- What's/hobby /, /your/Minh /?
  - What's Minh hobby, your?
  - What's hobby your, Minh?
  - What's your hobby, Minh?
- like /I/TV/watching/.
  - I like TV watching.
  - I like watching TV.
  - I watching like TV.
- She /TV/watches /in/evening /the /.
  - She watches in the TV evening.
  - She watches in the evening TV.
  - She watches TV in the evening.
- Nam /What/does / the /do /in/afternoon /?
  - What does Nam do in the afternoon?
  - What Nam does do in the afternoon?
  - What do Nam does in the afternoon?
- books /Minh /reads /in/afternoon /the /.

- a. Minh in the afternoon reads books.  
 b. Minh reads books in the afternoon.  
 c. Minh reads in the afternoon books.
6. When he /does /wash /clothes /? /his  
 a. When he does wash his clothes?  
 b. When he wash does his clothes?  
 c. When does he wash his clothes?
7. washes/He /clothes /in/ his /the morning/.  
 a. He his clothes washes in the morning.  
 b. He washes his clothes in the morning.  
 c. He washes in the morning his clothes.
8. helps /She/her mother /the cooking /with /.  
 a. She with the cooking helps her mother.  
 b. She helps her mother with the cooking.  
 c. She helps with the cooking her mother.
9. the /He/at/floor /noon /cleans/.  
 a. He at noon cleans the floor.  
 b. He cleans floor the at noon.  
 c. He cleans the floor at noon.
10. do /I/in/the housework /the morning/.  
 a. I do in the morning the housework.  
 b. I do the housework in the morning.  
 c. I do the morning in the housework.

### GHI NHỚ

#### 1. Cách hỏi ai đó thực hiện một hoạt động khi nào và cách trả lời:

Cách hỏi	Cách trả lời
<b>When do you + V...?</b> <i>Bạn ... khi nào?</i>	<b>I + V ... .</b> <i>Tôi ...</i>
<b>When does she/he + V...?</b> <i>Cô ấy/Anh ấy ... khi nào?</i>	<b>She/He + V... .</b> <i>Cô ấy/Anh ấy ...</i>
<b>Ví dụ:</b> - When do you wash your clothes? <i>Bạn giặt quần áo của mình khi nào?</i> - When does she wash the dishes? <i>Cô ấy rửa chén đĩa khi nào?</i>	I wash my clothes in the evening. <i>Tôi giặt quần áo của tôi vào buổi tối.</i> She washes the dishes at noon. <i>Cô ấy rửa chén đĩa vào buổi trưa.</i>

#### 2. Cách đặt câu hỏi về hoạt động hằng ngày của ai đó và cách trả lời:

Cách hỏi	Cách trả lời
<b>What do you do + /in/on + (time)?</b> <i>Bạn làm gì vào + (khoảng thời gian trong ngày)?</i>	<b>I + V</b> <i>Tôi...</i>

<b>What does she/he do + in/on + (time)?</b> <i>Cô ấy/Anh ấy làm gì + (thời gian)?</i>	<b>She/He + V... .</b> <i>Cô ấy/Anh ấy ...</i>
<b>Ví dụ:</b> - What do you do in the afternoon? <i>Bạn làm gì vào buổi chiều?</i> - What does she do in the evening? <i>Cô ấy làm gì vào buổi tối?</i>	I clean the floor. <i>Tôi lau sàn nhà.</i> She watches TV with her parents. <i>Cô ấy xem TV cùng với bố mẹ của cô ấy.</i>

---